

Số: / KH-UBND

Nam Triệu, ngày tháng 9 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số trên địa bàn phường Nam Triệu

Thực hiện Kế hoạch số 352/KH-UBND ngày 13/9/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về Triển khai thực hiện Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Ủy ban nhân dân phường Nam Triệu ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả các quy định của Luật Dân số, Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành trên địa bàn phường.

- Cụ thể hóa các nhiệm vụ của địa phương theo Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 2141/QĐ-BYT; xác định rõ nội dung công việc, tiến độ thực hiện và trách nhiệm của từng phòng, ban ngành, đoàn thể, tổ dân phố.

- Bảo đảm các chính sách hỗ trợ về dân số được triển khai đúng đối tượng, đúng điều kiện, đúng mức, đúng thẩm quyền; công khai, minh bạch, thuận tiện cho người dân và phù hợp với điều kiện thực tế của phường.

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các phòng, ban ngành, đoàn thể và nhân dân trong thực hiện chính sách dân số và phát triển; góp phần duy trì mức sinh thay thế, nâng cao chất lượng dân số, thích ứng với già hóa dân số và tăng cường chăm sóc người cao tuổi.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của Ủy ban nhân dân phường; phát huy vai trò chủ trì của phòng Văn Hóa-Xã hội và sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên của các phòng, ban ngành, đoàn thể tổ dân phố.

- Các nhiệm vụ phải gắn với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của từng phòng, ban ngành, đoàn thể bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm, tránh hình thức, lãng phí.

- Bảo đảm thực hiện theo đúng quy định của Luật Dân số, Nghị định số 168/2026/NĐ-CP; những nội dung đã được cụ thể tại Quyết định số 2141/QĐ-BYT, các Thông tư, Quyết định hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, kịp thời giải quyết hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

II. NỘI DUNG CHÍNH SÁCH VÀ ĐỐI TƯỢNG HỖ TRỢ

1. Tổ chức quán triệt, phổ biến, tuyên truyền chính sách, pháp luật về dân số

- Tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền Luật Dân số, Nghị định số 168/2026/NĐ-CP, các văn bản hướng dẫn thi hành và các chính sách của thành phố về dân số.

- Nội dung, hình thức tuyên truyền thực hiện theo khoản 1 Mục II Phụ lục Danh mục nhiệm vụ tổ chức thi hành Luật Dân số và Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ban hành kèm theo Quyết định số 2141/QĐ-BYT ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế; phù hợp với điều kiện thực tế của phường và từng nhóm đối tượng.

- Tập trung tuyên truyền về:

+ Chính sách hỗ trợ tài chính khi sinh con;

+ Chính sách sàng lọc trước sinh, sơ sinh;

+ Chăm sóc người cao tuổi tại nhà, tại cộng đồng;

+ Chính sách, chế độ đối với cộng tác viên dân số;

+ Các chính sách của thành phố quy định tại Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND; Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND.

+ Quyền, nghĩa vụ của cá nhân, gia đình và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong thực hiện chính sách dân số.

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2026.

2. Hỗ trợ tài chính khi sinh con

2.1. Đối tượng, điều kiện và thời điểm thực hiện

a) Phụ nữ dân tộc thiểu số rất ít người

- Đối tượng, điều kiện, mức hỗ trợ và trình tự, thủ tục thực hiện theo điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- Chính sách này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 theo khoản 1 Điều 14 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

b) Phụ nữ ở vùng có mức sinh dưới mức sinh thay thế

- Đối tượng, điều kiện, mức hỗ trợ và trình tự, thủ tục thực hiện theo điểm

b khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- Việc xác định tình trạng mức sinh thực hiện theo khoản 4 Điều 14 Luật Dân số; thời điểm áp dụng chính sách thực hiện theo khoản 2 Điều 14 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và các văn bản có liên quan.

c) Phụ nữ sinh đủ 02 con trước 35 tuổi

- Đối tượng, điều kiện và trình tự, thủ tục thực hiện theo điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- Đồng thời, thực hiện chính sách hỗ trợ theo Điều 3 Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố: hỗ trợ một lần bằng tiền 3.000.000 đồng đối với phụ nữ sinh con thứ hai trước 35 tuổi có đăng ký thường trú trên địa bàn phường Nam Triệu.

- Trường hợp đồng thời thuộc đối tượng được hưởng hỗ trợ theo Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND thì thực hiện theo nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và quy định của Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND, bảo đảm người thụ hưởng được hưởng một mức hỗ trợ theo quy định, không chi trùng chính sách.

- Chính sách quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 theo khoản 2 Điều 14 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP. Chính sách hỗ trợ theo Điều 3 Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND được thực hiện trong thời gian Nghị quyết có hiệu lực.

2.2. Mức hỗ trợ

- Đối với phụ nữ dân tộc thiểu số rất ít người: thực hiện mức hỗ trợ tối thiểu 2.000.000 đồng/phụ nữ khi sinh con theo điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP; trường hợp có quy định mới của cơ quan có thẩm quyền thì thực hiện theo văn bản mới kể từ thời điểm có hiệu lực.

- Đối với phụ nữ sinh đủ 02 con trước 35 tuổi: thực hiện mức hỗ trợ 3.000.000 đồng/lần theo Điều 3 Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND; trường hợp có quy định mới của cơ quan có thẩm quyền thì thực hiện theo văn bản mới kể từ thời điểm có hiệu lực.

3. Hỗ trợ khám sàng lọc một số bệnh bẩm sinh trước sinh và sơ sinh

3.1. Phạm vi, đối tượng

Phạm vi bệnh, đối tượng khám sàng lọc trước sinh và sơ sinh thực hiện theo Điều 9 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và Thông tư số 12/2026/TT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

3.2. Mức hỗ trợ

- Mức hỗ trợ khám sàng lọc trước sinh, sơ sinh thực hiện theo điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP; trong đó:

- Sàng lọc trước sinh: thanh toán theo thực tế nhưng tối đa không quá 900.000 đồng/trường hợp;
- Sàng lọc sơ sinh: thanh toán theo thực tế nhưng tối đa không quá 600.000 đồng/trường hợp.
- Trường hợp cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giá gói dịch vụ thì thực hiện mức hỗ trợ theo giá gói dịch vụ được phê duyệt.

3.3. Lộ trình thực hiện

- Từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026: Phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh thuộc các đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP được sử dụng miễn phí gói dịch vụ theo Điều 9 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và được hưởng mức hỗ trợ theo điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP từ nguồn ngân sách nhà nước.
- Từ ngày 01 tháng 01 năm 2027: Tất cả phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh được hưởng hỗ trợ gói dịch vụ theo Điều 9 và điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP từ nguồn kinh phí quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

3.4. Phương thức thực hiện

- Phương thức chi trả và tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện theo điểm a, điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.
- Trạm Y tế chủ trì tham mưu, hướng dẫn việc tổ chức thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên theo quy định của pháp luật.
- Việc đào tạo, hỗ trợ và chuyển giao kỹ thuật thực hiện theo các nhiệm vụ tại điểm 3.2 Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2141/QĐ-BYT; các hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế và Quyết định số 2037/QĐ-BYT, Quyết định số 2040/QĐ-BYT ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Bộ Y tế.

4. Chăm sóc người cao tuổi tại nhà và tại cộng đồng

4.1. Chăm sóc người cao tuổi tại nhà

Nội dung chăm sóc, người thực hiện chăm sóc và các điều kiện liên quan thực hiện theo Điều 4 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP. Việc tập huấn, hướng dẫn chuyên môn thực hiện theo điểm 3.1 Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2141/QĐ-BYT và Quyết định số 1976/QĐ-BYT ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Bộ Y tế.

4.2. Chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng

- a) Câu lạc bộ chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng
- Hình thức tổ chức và nội dung hoạt động thực hiện theo Điều 5 và Điều 6

Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- Việc thành lập, duy trì và hoạt động của câu lạc bộ thực hiện theo quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

b) Điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng

- Việc tổ chức, địa điểm, nội dung chăm sóc và người thực hiện chăm sóc thực hiện theo Điều 7 và Điều 8 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường căn cứ vào tình hình, điều kiện thực tế của địa phương ban hành quyết định thành lập điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng thuộc trạm Y tế phường theo khoản 3 Điều 7 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

c) Người thực hiện chăm sóc Tình nguyện viên, người làm chuyên môn tại trạm Y tế cấp, cộng tác viên dân số, nhân viên công tác xã hội thực hiện nhiệm vụ theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP; việc tập huấn thực hiện theo khoản 2 và khoản 3 Điều 8 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và hướng dẫn chuyên môn của Bộ trưởng Bộ Y tế.

5. Chính sách, chế độ đối với cộng tác viên dân số

5.1. Đối tượng và nhiệm vụ

Cộng tác viên dân số thực hiện theo khoản 1 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và các tiêu chuẩn, nhiệm vụ do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định, hướng dẫn.

5.2. Chế độ thù lao hằng tháng

- Mức thù lao hằng tháng đối với cộng tác viên dân số thực hiện theo khoản 2 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- Đối với cộng tác viên dân số tại tổ dân phố trên địa bàn phường, mức hỗ trợ hằng tháng thực hiện theo Phụ lục 2 và Phụ lục 3 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố.

5.3. Chính sách hỗ trợ cộng tác viên dân số tiêu biểu

Ngoài chế độ thù lao hằng tháng theo quy định, thực hiện chính sách hỗ trợ hằng năm 2.000.000 đồng/cộng tác viên, đối với cộng tác viên dân số đạt các tiêu chí quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND.

5.4. Việc bố trí, quản lý và phân công

Việc bố trí số lượng, chức danh, chế độ kiêm nhiệm và mức hỗ trợ đối với người tham gia hoạt động ở tổ dân phố thực hiện theo Điều 3, Điều 4 và Phụ lục 2, Phụ lục 3 Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường quyết định công nhận, phân công cộng tác viên dân số phụ trách địa bàn theo thẩm quyền; chỉ đạo trạm y tế cấp phường hướng dẫn chuyên môn, theo dõi,

kiểm tra và đánh giá kết quả hoạt động.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tổ chức quán triệt, phổ biến, tuyên truyền chính sách, pháp luật về dân số

- Tổ chức quán triệt, phổ biến Luật Dân số, Nghị định số 168/2026/NĐ CP, Quyết định số 2141/QĐ-BYT, các Nghị quyết có liên quan của Hội đồng nhân dân thành phố và các văn bản hướng dẫn thi hành đến các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chính sách dân số; chú trọng chính sách hỗ trợ sinh con, sàng lọc trước sinh, sơ sinh, chăm sóc người cao tuổi và hoạt động của cộng tác viên dân số.

- Đổi mới nội dung, hình thức truyền thông, bảo đảm thiết thực, dễ hiểu, phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn và điều kiện thực tế của phường.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan thông tin, báo chí và đội ngũ cộng tác viên dân số trong công tác tuyên truyền, vận động.

2. Hoàn thiện và tổ chức thực hiện các quy định

- Tổ chức thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của địa phương theo Nghị định số 168/2026/NĐ-CP, Quyết định số 2141/QĐ-BYT và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

- Thực hiện các nội dung chuyên môn theo hướng dẫn của Bộ Y tế, trong đó tập trung triển khai các nội dung đã được ban hành, hướng dẫn tại: Quyết định số 1976/QĐ-BYT ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Hướng dẫn chuyên môn về chăm sóc người cao tuổi tại nhà, tại cộng đồng; Quyết định số 2037/QĐ-BYT ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phân công phạm vi phụ trách và nhiệm vụ thực hiện sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh của các Trung tâm sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh khu vực; Quyết định số 2040/QĐ-BYT ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ xây dựng chương trình đào tạo về sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh, tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; và Thông tư số 12/2026/TT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định Danh mục bệnh bẩm sinh cần sàng lọc trước sinh và sơ sinh; đồng thời tổ chức thực hiện các văn bản hướng dẫn chuyên môn khác có liên quan do Bộ Y tế ban hành, bảo đảm thống nhất, đúng quy định và phù hợp với điều kiện thực tế của thành phố.

- Đối với những nội dung đã được quy định cụ thể tại văn bản của Trung ương, thực hiện theo đúng quy định, không đặt thêm điều kiện, thành phần hồ sơ hoặc thủ tục ngoài quy định.

- Chủ động cập nhật, tham mưu điều chỉnh việc tổ chức thực hiện khi có văn bản pháp luật, hướng dẫn mới được ban hành.

3. Thực hiện chính sách hỗ trợ sinh con

- Triển khai chính sách hỗ trợ sinh con theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP; bảo đảm đúng đối tượng, điều kiện, mức hỗ trợ và thời điểm thực hiện theo quy định.

- Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ của thành phố theo Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

- Bảo đảm việc thực hiện các chính sách hỗ trợ thống nhất, không trùng lặp, chồng chéo; trường hợp đồng thời thuộc nhiều chính sách thì thực hiện theo nguyên tắc và điều kiện của từng chính sách.

- Khai thác, kết nối, đối soát thông tin từ hệ thống đăng ký khai sinh, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên VNeID và các cơ sở dữ liệu có liên quan để phục vụ xác định đối tượng và thực hiện chi trả.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc xét duyệt và chi trả; kịp thời phát hiện, xử lý và thu hồi các khoản hỗ trợ chi không đúng đối tượng, điều kiện theo quy định.

4. Đẩy mạnh sàng lọc trước sinh và sơ sinh

- Tổ chức thực hiện các nội dung về sàng lọc trước sinh, sơ sinh theo Điều 9, Điều 10 và Điều 12 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế.

- Thực hiện hỗ trợ chi phí sàng lọc theo đúng đối tượng, phạm vi, mức hỗ trợ và nguồn kinh phí của từng giai đoạn.

- Chủ động chuẩn bị nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí và các điều kiện cần thiết để triển khai chính sách theo lộ trình từ năm 2027.

- Tăng cường kiểm tra chất lượng dịch vụ, theo dõi kết quả sàng lọc và tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện.

5. Chăm sóc người cao tuổi tại gia đình và cộng đồng

- Tổ chức thực hiện các hình thức chăm sóc người cao tuổi tại gia đình, cộng đồng theo quy định tại Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế.

- Căn cứ điều kiện thực tế, tổ chức các hoạt động, mô hình, câu lạc bộ và điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng phù hợp với nhu cầu của người dân.

- Tăng cường chăm sóc sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ, lập và quản lý hồ sơ sức khỏe người cao tuổi.

- Phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng, Hội Người cao tuổi, Mặt trận Tổ

quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi.

- Lồng ghép các nguồn lực, chương trình, chính sách của thành phố để nâng cao hiệu quả chăm sóc người cao tuổi tại cơ sở.

6. Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của cộng tác viên dân số

- Thực hiện các quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, đào tạo, tập huấn và chế độ đối với cộng tác viên dân số theo Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Bố trí, quản lý cộng tác viên dân số phù hợp với số lượng, chức danh và mức hỗ trợ theo Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm của cộng tác viên dân số.

- Phát huy vai trò của cộng tác viên dân số trong tuyên truyền, vận động, cung cấp thông tin và hỗ trợ triển khai chính sách dân số tại cộng đồng.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với cộng tác viên dân số theo quy định.

7. Bảo đảm nguồn lực thực hiện

- Chủ động cân đối, bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách nhà nước và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện Kế hoạch.

- Bảo đảm kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ sinh con, sàng lọc trước sinh, sơ sinh, chăm sóc người cao tuổi, đào tạo, tập huấn và truyền thông về dân số.

- Chủ động chuẩn bị nguồn lực thực hiện chính sách sàng lọc từ năm 2027 theo quy định tại Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và các chương trình, kế hoạch có liên quan.

- Lồng ghép, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ các chương trình, đề án, dự án và nguồn hợp pháp khác; bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định.

8. Tăng cường phối hợp, kiểm tra, giám sát

- Phân công rõ trách nhiệm của từng phòng, ban ngành, đoàn thể bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, nhất là việc xác định đối tượng, chi trả hỗ trợ, cung cấp dịch vụ và quản lý, sử dụng kinh phí.

- Kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các trường hợp thực hiện chưa đúng quy định.

- Định kỳ đánh giá kết quả thực hiện, xác định những vấn đề còn khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp tháo gỡ.

9. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo

- Các phòng, ban ngành, tổ dân phố thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo về tình hình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- Chủ động tổng hợp, phản ánh những khó khăn, vướng mắc, bất cập phát sinh trong quá trình thực hiện; đề xuất cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn, giải quyết.
- Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện trên địa bàn báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.
- Thường xuyên cập nhật, đánh giá kết quả thực hiện để tham mưu điều chỉnh nhiệm vụ, giải pháp bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn và quy định của pháp luật.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí

- Kinh phí hỗ trợ tài chính khi sinh con thực hiện theo khoản 1 Điều 12 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP; Điều 7 Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND.
- Kinh phí hỗ trợ khám sàng lọc trước sinh và sơ sinh thực hiện theo khoản 2 Điều 12 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.
- Kinh phí thực hiện chăm sóc người cao tuổi, trong đó có hoạt động của điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng, thực hiện từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.
- Kinh phí thực hiện chế độ đối với cộng tác viên dân số thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP; Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND và Điều 6, Điều 7 Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND.

2. Lập, phân bổ và sử dụng kinh phí

- Các phòng, ban ngành căn cứ nhiệm vụ được giao chủ động lập dự toán kinh phí hằng năm, gửi nơi có thẩm quyền tổng hợp, xem xét, bố trí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.
- Việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí phải bảo đảm đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch và tuân thủ quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa-Xã hội

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân xây dựng Kế hoạch và tổ chức triển khai các nhiệm vụ phù hợp với tình hình thực tế địa phương; phân công rõ trách nhiệm của từng bộ phận, đơn vị.
- Phối hợp với trạm Y tế và các phòng, ban ngành liên quan tham mưu về tổ chức bộ máy, nhân lực thực hiện công tác dân số theo chức năng, nhiệm vụ được giao.
- Phối hợp hướng dẫn việc thực hiện các quy định liên quan đến người tham

gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật và Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND.

- Phối hợp với trạm Y tế chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở và các phương tiện truyền thông đẩy mạnh tuyên truyền về chính sách dân số.

- Phối hợp cung cấp, phổ biến các tài liệu truyền thông về hỗ trợ tài chính khi sinh con, sàng lọc trước sinh, sơ sinh và chăm sóc người cao tuổi.

2. Trạm Y tế

- Là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch.

- Thực hiện các nhiệm vụ của chuyên môn về y tế theo khoản 3 Mục III Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 2141/QĐ-BYT.

- Chủ trì tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn cho cộng tác viên dân số về Luật Dân số, Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Chủ trì rà soát, hướng dẫn tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ tài chính khi sinh con; phối hợp các phòng, ban ngành, liên quan bảo đảm kết nối, khai thác dữ liệu phục vụ xác định đối tượng thụ hưởng.

- Chủ trì tham mưu tổ chức thực hiện chính sách sàng lọc trước sinh, sơ sinh chuẩn bị điều kiện chuyên môn, nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị; tham mưu phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu theo quy định.

- Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai chăm sóc người cao tuổi tại nhà và tại cộng đồng theo Điều 4 đến Điều 8 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế.

- Phối hợp với các phòng, ban ngành liên quan hướng dẫn thực hiện chế độ đối với cộng tác viên dân số; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực y tế, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Theo dõi, kiểm tra, tổng hợp kết quả thực hiện; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân phường và Sở Y tế theo quy định.

3. Phòng Kinh tế

Trên cơ sở đề xuất của trạm Y tế tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định; hướng dẫn các phòng, ban ngành quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

4. Công an phường

- Chỉ đạo công an viên bảo đảm dữ liệu dân cư chính xác, đầy đủ, kịp thời, phục vụ xác định đối tượng thụ hưởng.

- Phối hợp với trạm Y tế, các cơ quan, đơn vị liên quan trong khai thác, sử dụng dữ liệu dân cư, dữ liệu định danh điện tử phục vụ thực hiện chính sách theo quy định của pháp luật về dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

5. Hội Người cao tuổi

- Phối hợp tuyên truyền, vận động hội viên, người cao tuổi thực hiện các chính sách về dân số và chăm sóc người cao tuổi.

- Phối hợp hướng dẫn các Chi hội Người cao tuổi cấp duy trì, phát triển câu lạc bộ chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng.

- Phối hợp với trạm y tế cấp và các phòng, ban ngành liên quan rà soát nhu cầu chăm sóc người cao tuổi, huy động nguồn lực xã hội hợp pháp.

6. Các phòng, ban, ngành, đơn vị có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao chủ động phối hợp triển khai thực hiện Kế hoạch; lồng ghép các nhiệm vụ về dân số với chương trình, đề án, kế hoạch thuộc lĩnh vực quản lý.

7. Các tổ dân phố

- Căn cứ Kế hoạch của Ủy ban nhân tổ chức triển khai các nhiệm vụ phù hợp với tình hình thực tế phân công rõ trách nhiệm của từng cá nhân.

- Tổ chức, duy trì hoạt động câu lạc bộ chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng theo Điều 5, Điều 6 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- Phối hợp với Trạm y tế tổ chức chăm sóc người cao tuổi tại nhà, tại cộng đồng theo Điều 8 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- Chủ động bố trí, quản lý và sử dụng kinh phí được giao; huy động các nguồn lực hợp pháp để thực hiện Kế hoạch.

8. Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công

- Phối hợp với trạm Y tế và các phòng, ban ngành liên quan tuyên truyền đầy đủ, chính xác các quy định của Luật Dân số, Nghị định số 168/2026/NĐ-CP, Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND và các văn bản có liên quan.

- Đổi mới nội dung, hình thức truyền thông; ưu tiên nội dung thiết thực, dễ hiểu, dễ tiếp cận, góp phần tạo sự đồng thuận của xã hội trong việc thực hiện chính sách dân số.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể phường

- Chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức thành viên phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện chính sách dân số.

- Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội; kịp thời phản ánh ý kiến, kiến

ng nghị của Nhân dân đối với việc thực hiện chính sách.

- Vận động các tổ chức, cá nhân tham gia hỗ trợ chăm sóc người cao tuổi tại gia đình và cộng đồng theo quy định của pháp luật.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 168/2026/NĐ-CP trên địa bàn phường Nam Triệu. Ủy ban nhân dân phường yêu cầu các phòng, ban ngành, đoàn thể và tổ dân phố nghiêm túc triển khai thực hiện; bảo đảm các chính sách dân số được tổ chức thực hiện kịp thời, đúng quy định, hiệu quả, thiết thực. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các phòng, ban ngành, đoàn thể, tổ dân phố kịp thời phản ánh về Trạm Y tế để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố;
- TT Đảng ủy, HĐND;
- Chủ tịch, các phó CT UBND;
- Các phòng, ban, ngành, MTTQ và các đoàn thể;
- Các Tổ dân phố;
- Lưu: VT, VHXX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Dũng